

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 8 năm 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Phương Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn xx, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải chị Phạm Thị Phương Th trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/8/2008. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là

do anh T chỉ lo ăn chơi lêu lổng, nghiện ngập, không lo cho kinh tế gia đình, vợ con. Do vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên, liên tục từ nhiều năm không dung hòa được. Tôi cũng nhiều lần khuyên giải, gia đình hai bên đã tác động để anh T thay đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Đến năm 2018 thì vợ chồng tôi sống ly thân nhau, tôi đem hai con về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Quảng Ngãi sống. Từ đó đến nay hai vợ chồng tôi sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Xét tình cảm vợ chồng không còn, không đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, tôi nộp đơn đến Tòa án và có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo Th, sinh ngày 15/02/2009; cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2013.

Nguyện vọng của tôi là xin được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc con chung là cháu Thi và cháu B cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên. Nếu được nuôi con chung thì tôi không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Phương Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin xác nhận ngày 24/4/2023 cháu Nguyễn Phúc Bảo Th, sinh ngày 15/02/2009; Tại Đơn xin xác nhận ngày 20/4/2023 cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2013 có nguyện vọng xin được sống với mẹ là chị Phạm Thị Phương Th.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để lập bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T sống chung chị Th trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/8/2008. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, do từ năm 2018 tôi nghiện ma túy. Đến năm 2019 tôi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk với thời hạn 02 năm nên tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2021 sau khi chấp hành xong thời hạn cai nghiện tôi về sống với vợ con tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên do thời gian đầu tôi chưa có việc làm, không có thu nhập nên vợ chồng thường xảy ra cãi cọ xích mích lẫn nhau, có khi không làm chủ được bản thân tôi có đánh vợ. Do đó mâu thuẫn vợ chồng lại nhiều hơn, nên tôi về lại Đắk Lắk sống. Vì vậy, chị Th đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn tôi. Xét thấy tôi vẫn còn thương yêu vợ con nên tôi mong Tòa án cho tôi được đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo Th, sinh ngày 15/02/2009 và cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2013.

Nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì tôi đồng ý giao cả hai con chung cho vợ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị Phương Th vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Păk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án không tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Phạm Thị Phương Th vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Phương Th.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Phương Th. Cho chị Phạm Thị Phương Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo Th, sinh ngày 15/02/2009; cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2013 cho chị Phạm Thị Phương Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu HĐXX giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung chị Th không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022, HĐXX xác định đây quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về con chung” quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Phạm Thị Phương Th nộp đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại: Thôn xx, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa chị Phạm Thị Phương Th vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Phương Th.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/8/2008. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, sau khi cưới chị Phạm Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn T sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh T bị nghiện ma túy và bị đưa vào cơ sở cai nghiện trong thời hạn hai năm. Do vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách hơn. Mặt khác, chị Th anh T đã ly thân nhau thời khá dài. Không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị Th và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho chị Th ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

+ Về con chung: Chị Phạm Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn T có hai người con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo Th, sinh ngày 15/02/2009; cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2013.

Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Phương Th có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc con chung là cháu Thi và cháu B cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên. Bản thân hai cháu Thi và cháu B cũng có nguyện vọng xin được sống với mẹ là chị Phạm Thị Phương Th.

Tại phiên tòa anh T cũng có nguyện vọng nếu tòa án cho vợ chồng ly hôn thì anh T đồng giao con chung cho vợ nuôi .

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xem xét mọi mặt cuộc sống của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án hai cháu Th và cháu B có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn thì xin được sống với mẹ. Bản thân chị Th cũng có nguyện vọng xin nuôi hai con con chung và bản thân anh T cũng có nguyện vọng giao con chung cho mẹ nuôi dưỡng. là không trái quy định của pháp luật. Hơn nữa từ ngày chị Th anh T ly thân đến nay hai cháu đang sống với chị

Th. Do vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Th và cháu B cho chị Phạm Thị Phương Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Phương Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét việc chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện không trái pháp luật nên HĐXX không cần đề cập giải quyết.

+ Về tài sản và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Phương Th không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc chị Phạm Thị Phương Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Phương Th.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Phương Th ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo Th, sinh ngày 15/02/2009 và cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2013 cho chị Phạm Thị Phương Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Phúc Bảo Th và cháu Nguyễn Văn Gia B đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị Phạm Thị Phương Th, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Phương Th, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị Phương Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0017070 ngày 23/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Chị Phạm Thị Phương Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã B, H. B;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

